

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/DS-PT
Ngày: 10-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn V

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hoàng V

Ông Lê Thành T

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh L – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Ông M - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLPT-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thanh T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 390B Điện Biên Phủ, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có luật sư Đồng Văn H, Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Trần Minh K, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ nơi làm việc: Số 138 Trần Phú, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lương Văn Bé T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 390B Điện Biên Phủ, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

4. Người kháng cáo: Phạm Thanh T là nguyên đơn và Trần Minh K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày: Vào ngày 04/9/2015 bà có cho ông Trần Minh K mượn số tiền 350.000.000 đồng, không tính lãi. Khi nhận tiền ông K có viết biên nhận cho bà và thỏa thuận đến ngày 07/9/2015 sẽ trả đủ. Tuy nhiên khi đến hạn thì ông K không thanh toán, bà nhiều lần đôn đốc nhưng ông K hứa hẹn hết lần này đến lần khác không trả. Do đó bà yêu cầu Tòa án thành phố Trà Vinh giải quyết buộc ông K phải trả số nợ 350.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/9/2015 đến ngày 07/12/2016 với mức lãi suất 1,125%/tháng là 59.062.500 đồng.

Theo bản tự khai và trong quá trình tham gia phiên tòa bị đơn ông Trần Minh K trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về số tiền vay 350.000.000 đồng, có làm biên nhận. Bà T giữ biên nhận gốc còn ông giữ biên nhận phô tô. Nhưng hiện nay ông đã trả xong số nợ này. Cụ thể, ngày 10/9/2015 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/9/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 29/9/2015 trả 100.000.000 đồng. Việc trả tiền lần thứ 1 và lần thứ 2 bà T có ký tên xác nhận vào giấy biên nhận phô tô của ông giữ, riêng lần thứ 3 do giữa gia đình ông với bà T là chỗ quen biết rất thân ông không có yêu cầu bà T ký tên và không có lấy lại biên nhận gốc. Nay bà T cho rằng ông còn nợ 350.000.000 đồng ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn Bé T trình bày: Số tiền bà T cho ông K vay 350.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng nhưng việc làm ăn ông đã giao hết cho bà T quản lý nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Về việc ông K cho rằng có trả nợ cho bà T rồi thì ông không có chứng kiến nên không biết.

Ý kiến của Luật sư: Bị đơn cho rằng đã trả xong 350.000.000 đồng cho bà T bằng 03 lần là không có chứng cứ chứng minh cho việc này, đối với số tiền ghi trong biên nhận 200 ngàn mà ông K cho rằng là 200 triệu là không có căn cứ, việc ông K đã trả 100 triệu cũng không có chứng cứ, đối với số tiền 50 triệu bà T ghi trong biên nhận phô tô không ghi cụ thể là tiền gì nên ông K cho rằng số tiền ông K trả cho bà T là không đúng mà đây là số tiền lãi của ông K trả cho bà T. Việc ông K cho rằng có một số người chứng kiến việc ông K đã trả nợ cho bà T, việc này cấp sơ thẩm đã làm rõ không có cơ sở để chứng minh. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông K chấp nhận kháng cáo của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 91, 92, 108, 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thanh T, buộc bị đơn ông Trần Minh K phải trả cho bà T tổng số tiền 337.500.000 đồng, trong đó gốc là 300.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 08/9/2015 đến ngày 07/12/2016 là 37.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thanh T yêu cầu ông K phải trả số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện là 71.562.500 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/10/2017 nguyên đơn bà Phạm Thanh T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, buộc ông Trần Minh K phải trả số tiền gốc là 350.000.000 đồng theo biên nhận ngày 04/9/2015 và yêu cầu trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 08/9/2015 đến ngày 07/12/2016.

Ngày 26/10/2017 bị đơn ông Trần Minh K kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông đã trả xong số tiền 350.0000.000 đồng cho bà Phạm Thanh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về thủ tục tố tụng: Trước phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng qui định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định pháp luật về trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa. Các đương sự điều thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Kháng cáo của bà T, ông K là còn trong hạn luật định. Số tiền 50 triệu bà T cho rằng là số tiền lãi của ông K đóng cho bà nhưng lại ghi trong biên nhận vay của ông K nên ông K cho rằng 50 triệu này ông trả cho bà T là có căn cứ. Về kháng cáo của ông K cho rằng vì thân tình nên khi trả xong nợ không lấy lại biên nhận. ngoài ra tại phiên tòa hôm nay các bên không có cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh việc kháng cáo của mình. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, ông K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và Kt quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thanh T và bị đơn ông Trần Minh K kháng cáo còn trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên tòa ngày hôm nay, hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vào ngày 04/9/2015 bà Phạm Thanh T có cho ông Trần Minh K vay số tiền 350.000.000 đồng, không lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 07/9/2015, hai bên có lập biên nhận do bà T và ông K ký tên, bà T giữ bản chính còn ông K giữ bản photo, mục đích vay số tiền trên để đáo nợ ngân hàng. Nguyên đơn cho rằng, khi đến hạn trả nợ ông K cứ hứa hẹn không trả số tiền trên. Ông K cho rằng số nợ trên ông đã trả xong cho bà T vào các ngày 10/9/2015 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/9/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 29/9/2015 trả 100.000.000 đồng.

[3] Để chứng minh sự việc trên, bị đơn ông K cung cấp biên nhận ngày 04/9/2015 (do bà T photo giao cho ông K) về việc vay số tiền 350.000.000 đồng. Thấy rằng, phần dưới của nội dung biên nhận có ghi: “10/9- 50tr (Năm mươi triệu đồng)” và “15/9 – 200.000^d (Hai trăm)” và có chữ ký của bà T. Tại phiên tòa bà T thừa nhận chữ ký nhận số tiền trên. Tuy nhiên, đối với số tiền ghi trong biên nhận “10/9- 50tr (Năm mươi triệu đồng)” bà T cho rằng là số tiền lãi vay của ông Lê Hoàng K gửi ông K để trả cho bà, không phải là tiền ông K trả cho bà và bà T có cung cấp biên nhận ngày 06/8/2015 để chứng minh ông Lê Hoàng K có vay tiền của bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà T khai khi người vay trả tiền lãi cho bà thì bà ghi vào sổ còn trả vốn thì bà ghi phía sau tờ biên nhận đó. Nhưng số tiền này lại được ghi trong biên nhận vay của ông K mà không ghi vào sổ hay trong biên nhận vay của ông K, điều đó chứng minh rằng số tiền 50.000.000 đồng được ghi trong biên nhận vay của ông K không phải là tiền lãi của ông K, ông K cho rằng số tiền 50.000.000 đồng là số tiền ông trả nợ cho bà T là có căn cứ và được cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[4] Về số tiền tiếp theo được ghi trong biên nhận vay của ông K “15/9 – 200.000^d (Hai trăm)” bà T cho rằng là số tiền bà ghi để nhớ có nhờ ông K đi đám tang mẹ ông K để sau này căn trừ. Ông K thì cho rằng, đó là số tiền ghi 200.000.000 đồng mà ông trả cho bà T. Thấy rằng, trong biên nhận ghi 15/9 không ghi cụ thể năm nào, số tiền 200.000 và phía sau là chữ “đ” và ghi trong ngoặc đơn là “Hai trăm” không có chữ “triệu” như dòng chữ ghi 10/9 phía trên. Do đó, bà T cho rằng là số tiền bà ghi để nhớ có nhờ ông K đi đám tang mẹ ông K để sau này căn trừ là có căn cứ. Ông K là người có tri thức lại công tác trong lĩnh vực ngân hàng nhưng khi thực hiện giao Kt trả nợ cho bà T lại không ghi rõ ràng số liệu cụ thể để chứng minh việc ông có trả nợ cho bà T hay không cho nên ông K xác định số tiền ghi trong biên nhận là 200.000.000 đồng đã trả nợ cho bà T là không phù hợp với chứng cứ ghi “15/9 – 200.000^d (Hai trăm)” mà ông đã cung cấp. Tại phiên tòa hôm nay, ông K không có chứng cứ nào khác để chứng minh đã trả cho bà T số tiền này.

[5] Ông K cũng cho rằng đã trả cho bà T số tiền còn lại 100.000.000 đồng vào ngày 29/9/2015 nhưng vì là chỗ quen biết nên không yêu cầu bà T ghi trong biên nhận, không lấy lại biên nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay bà T không thừa nhận ông K đã trả số tiền 100.000.000 đồng này, ông K cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Nghi nên chấp nhận ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, không chấp nhận ý kiến của luật sư bảo vệ

quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thanh T và bị đơn ông Trần Minh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Nguyên đơn bà Phạm Thanh T và bị đơn ông Trần Minh K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 91; Điều 92; Điều 108, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thanh T.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Phạm Thanh T, bị đơn ông Trần Minh K.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thanh T.

Buộc bị đơn ông Trần Minh K phải thanh toán cho bà Phạm Thanh T tổng số tiền 337.500.000 đồng. Trong đó tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 08/9/2015 đến ngày 07/12/2016 là 37.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thanh T đòi ông Trần Minh K phải trả số tiền chênh lệch so với khởi kiện ban đầu là 71.562.500 đồng (409.062.500 đồng - 337.500.000 đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Minh K phải chịu 16.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Phạm Thanh T phải chịu 3.578.125 đồng. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 10.200.000 đồng theo biên lai thu số 0007947 ngày 15/12/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà T được nhận lại 6.621.875 đồng theo biên lai thu số 0007947 ngày 15/12/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Về án phí phúc thẩm:

Bà Phạm Thanh T phải chịu án phí phúc thẩm bằng 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014296 ngày 31/10/2017 tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Ông Trần Minh K phải chịu án phí phúc thẩm bằng 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014213 ngày 07/11/2017 tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Hoàng V

Lê Thành T

Tổng Văn V